

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tổ chức và hoạt động của phòng giao dịch bưu điện trực thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 3 như sau:

“7. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 như sau:

“2. Theo các quy định tại Thông tư này và phù hợp với mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ủy quyền cho Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh:

a) Chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện trên địa bàn (trường hợp tự nguyện chấm dứt hoạt động);

b) Xác nhận việc Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt đáp ứng điều kiện khai trương hoạt động phòng giao dịch bưu điện trên địa bàn;

c) Xác nhận đủ điều kiện hoạt động tại địa điểm mới đối với phòng giao dịch bưu điện thay đổi địa điểm trên địa bàn;

d) Bắt buộc chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện trên địa bàn.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 14 như sau:

“2. Trình tự tự nguyện chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện:

a) Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt lập 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện;

b) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện có văn bản chấp thuận chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện; trường hợp không chấp thuận, phải có văn bản nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt phải tiến hành các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật để chấm dứt hoạt động của phòng giao dịch bưu điện; có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện về ngày chấm dứt hoạt động.”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm 4 Phụ lục 01 như sau:

“4. Đơn vị nhận báo cáo:

* Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn nhận báo cáo về số liệu huy động vốn của từng phòng giao dịch bưu điện và số liệu huy động vốn tổng hợp của các phòng giao dịch bưu điện trên từng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

* Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng nhận báo cáo về số liệu huy động vốn tổng hợp của các phòng giao dịch bưu điện do chi nhánh tiết kiệm bưu điện quản lý.”

5. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, khoản như sau:

a) Thay thế cụm từ “Ngân hàng Nhà nước (qua Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện)” tại điểm b khoản 5 Điều 8 và khoản 2, khoản 4 Điều 17 bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện”;

b) Thay thế cụm từ “Ngân hàng Nhà nước (qua Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng nơi Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt dự kiến đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện)” tại điểm a khoản 2 Điều 9 và điểm a khoản 3 Điều 10 bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt dự kiến

đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện”;

c) Thay thế các cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng” tại điểm b khoản 2 Điều 9, điểm b khoản 3 Điều 10, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15; “Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” tại khoản 4 Điều 9, khoản 4 Điều 10, khoản 3 Điều 15; “Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” tại điểm 4 Phụ lục 02 bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh”;

d) Bãi bỏ khoản 4 Điều 18.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mạng lưới của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 như sau:

“2. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét chấp thuận hoặc không chấp thuận:

a) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trên địa bàn (bao gồm cả trường hợp thay đổi địa điểm trước khi khai trương hoạt động);

b) Tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trên địa bàn.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 6 Điều 13 như sau:

“3. Trình tự:

a) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh có văn bản gửi tổ chức tín dụng phi ngân hàng chấp thuận hoặc không chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh; trường hợp không chấp thuận, văn bản gửi tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải nêu rõ lý do.”

“6. Trường hợp thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh do thay đổi địa giới hành chính (không thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh), tổ chức tín dụng phi ngân hàng có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xác nhận thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh. Văn bản đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải gửi kèm các tài liệu chứng minh về việc thay đổi địa chỉ nêu trên.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ

sở chi nhánh có văn bản gửi tổ chức tín dụng phi ngân hàng xác nhận việc thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 18 như sau:

“2. Trình tự tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh:

a) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh;

b) Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng; trường hợp không chấp thuận, văn bản phải nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải tiến hành các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật để chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh và có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh đối với chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh về thời điểm cụ thể và kết quả chấm dứt hoạt động, giải thể.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

“Điều 22. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp

1. Tiếp nhận hồ sơ, chấp thuận hoặc không chấp thuận đối với các nội dung theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

2. Phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến tổ chức, hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trên địa bàn.

3. Tham gia ý kiến với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

4. Có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) theo quy định tại khoản 2 Điều 19.

5. Tiếp nhận báo cáo, thông báo của tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo quy định tại Thông tư này.”

5. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, khoản như sau:

a) Thay thế các cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)” tại điểm b khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 19; “Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước

chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)” tại khoản 4 Điều 13; “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng” tại khoản 5 Điều 13, Điều 15; “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc của Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng” tại khoản 5 Điều 13 bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh”;

b) Bãi bỏ cụm từ “(nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)” tại điểm c (i) khoản 1 Điều 10;

c) Bãi bỏ khoản 6 Điều 3.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

1. Bổ sung khoản 3 Điều 5 như sau:

“3. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ủy quyền cho Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi tên của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.”

2. Sửa đổi khoản 6 và bổ sung khoản 7 Điều 6 như sau:

“6. Trường hợp thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính (không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính), tổ chức tín dụng phi ngân hàng gửi bằng đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước văn bản thông báo về việc thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính và đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép về việc thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính.

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước có quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại khoản này.

7. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ủy quyền cho Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đang đặt trụ sở chính và thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chính (không phát sinh thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính) của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.”

3. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, điểm như sau:

a) Thay thế cụm từ “Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở mới đối với tỉnh, thành phố không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng” tại khoản 4 Điều 6 bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở mới”;

b) Thay thế cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở chính đối với tỉnh, thành phố không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng” tại điểm b khoản 2 Điều 7 và cụm từ “Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở chính đối với tỉnh, thành phố không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng” tại điểm a khoản 3 Điều 11, điểm a khoản 2 Điều 12 bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở chính”;

c) Thay thế các cụm từ “Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh” tại khoản 3, khoản 4 Điều 11, khoản 2, khoản 3 Điều 12; “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng” tại điểm b khoản 3 Điều 11; “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng” tại khoản 2 Điều 14 bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh”;

d) Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 5, điểm b khoản 2 Điều 6.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2018/TT-NHNN ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng là hợp tác xã

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Thẩm quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

Căn cứ mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, chính trị, an ninh, quốc phòng và định hướng phát triển ngành ngân hàng trong từng thời kỳ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:

1. Xem xét chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, văn phòng đại diện ở nước ngoài; chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh; bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước của ngân hàng hợp tác xã theo quy định tại Thông tư này.

2. Ủy quyền cho Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh):

a) Chấp thuận hoặc không chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch ngân hàng hợp tác xã trên địa bàn (bao gồm cả trường hợp thay đổi địa điểm trước khi khai trương hoạt động);

b) Chấp thuận hoặc không chấp thuận chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch ngân hàng hợp tác xã trên địa bàn (trong trường hợp tự nguyện chấm dứt hoạt động);

c) Chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị thành lập, thay đổi địa điểm đặt trụ sở, chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn;

d) Đình chỉ việc khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã, phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn trong trường hợp chưa đáp ứng đủ yêu cầu khai trương hoạt động.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 4 Điều 18 như sau:

“2. Trình tự:

a) Ngân hàng hợp tác xã lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh kiểm tra địa điểm dự kiến đặt trụ sở chi nhánh và có văn bản gửi ngân hàng hợp tác xã chấp thuận hoặc không chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh; trường hợp không chấp thuận, văn bản phải nêu rõ lý do.”

“4. Trường hợp thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh do thay đổi địa giới hành chính (không thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh), ngân hàng hợp tác xã có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xác nhận thay đổi địa chỉ. Văn bản đề nghị của ngân hàng hợp tác xã phải gửi kèm các tài liệu chứng minh hoặc xác nhận của cơ quan quản lý hành chính nhà nước có thẩm quyền về việc thay đổi địa chỉ nêu trên.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị theo quy định nêu trên, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh có văn bản gửi ngân hàng hợp tác xã xác nhận việc thay đổi địa chỉ trụ sở chi nhánh.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 40 như sau:

“2. Trình tự tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch:

a) Quỹ tín dụng nhân dân lập 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;

b) Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của quỹ tín dụng nhân dân; trường hợp không chấp thuận, văn bản phải nêu rõ lý do.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 44 như sau:

“Điều 44. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tín dụng là hợp tác xã đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã

1. Chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước khi thực hiện các nhiệm vụ theo thẩm quyền được quy định tại Thông tư này.

2. Phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến tổ chức, hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã trên địa bàn.

3. Thực hiện nhiệm vụ quản lý, thanh tra, giám sát hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện của ngân hàng hợp tác xã trên địa bàn theo quy định tại Thông tư này và các văn bản khác có liên quan của Ngân hàng Nhà nước.

4. Có văn bản báo cáo và đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân hàng hợp tác xã khi xảy ra một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 25 Thông tư này.”

5. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, điểm như sau:

a) Thay thế các cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng” tại khoản 2, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 18, khoản 3 Điều 20; “Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)” tại khoản 3 Điều 15, khoản 1 Điều 16, Điều 17, Điều 19, khoản 2, khoản 4 Điều 20, khoản 2 Điều 21, Điều 23, khoản 3 Điều 27; “Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)” tại khoản 4 Điều 15, khoản 2 Điều 21; “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng” tại khoản 4 Điều 20, khoản 1 Điều 24; “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh và Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng” tại khoản 4 Điều 27; “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc của Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng” tại khoản 4 Điều 27; “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)” tại khoản 3 Điều 28; “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh và Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng (nơi có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)” tại Điều 35; “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)” tại khoản 3 Điều 45 bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh”;

b) Bãi bỏ cụm từ “(trừ tỉnh, thành phố nơi có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng)” tại điểm b khoản 2 Điều 14 và cụm từ “trên địa bàn tỉnh, thành phố nơi có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng” tại khoản 2 Điều 45;

c) Bãi bỏ các cụm từ “Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng) cử cán bộ tham gia đoàn kiểm tra việc đáp ứng điều kiện về kho quỹ bảo đảm an toàn theo tiêu chuẩn quy định của Ngân hàng Nhà nước” tại khoản 4 Điều 15; “Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng) cử cán bộ tham gia đoàn kiểm tra việc đáp

ưng điều kiện về kho tiền bảo đảm an toàn theo tiêu chuẩn quy định của Ngân hàng Nhà nước đối với địa điểm dự kiến đặt trụ sở phòng giao dịch trong trường hợp trụ sở phòng giao dịch của ngân hàng hợp tác xã có kho tiền” tại điểm b khoản 2 Điều 20; “Đối với tỉnh, thành phố nơi có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, trong quá trình thanh tra, giám sát phát hiện trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản nêu rõ lý do gửi quỹ tín dụng nhân dân yêu cầu chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch” tại khoản 3 Điều 41;

d) Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 33.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2018/TT-NHNN ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô

1. Bổ sung khoản 3 Điều 5 như sau:

“3. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ủy quyền cho Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi tên của tổ chức tài chính vi mô.”

2. Bổ sung khoản 6 Điều 6 như sau:

“6. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ủy quyền cho Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng

1. Thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với các nội dung thay đổi của tổ chức tài chính vi mô quy định tại Điều 5, 6 Thông tư này.

2. Thẩm định hồ sơ và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định các nội dung thay đổi của tổ chức tài chính vi mô quy định tại các Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 Thông tư này.

3. Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính về việc mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu.

4. Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô đề nghị được chuyển đến về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô trong trường hợp địa điểm mới nằm

ngoài địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô đang đặt trụ sở chính.

5. Lấy ý kiến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính trong các trường hợp sau:

- a) Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức tài chính vi mô;
- b) Thay đổi thời hạn hoạt động của tổ chức tài chính vi mô;
- c) Mua bán, chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu của tổ chức tài chính vi mô.

6. Thông báo về các văn bản chấp thuận, Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép về những thay đổi của tổ chức tài chính vi mô cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chính.”

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 03 năm 2023. *Minh*

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu: VP, Vụ PC, TTGSNH8 (03 bản) *h*

K.T. **THÔNG ĐỐC**
PHÓ THÔNG ĐỐC



Đào Minh Tú